

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DSST

Ngày: 28/01/2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang.***

***Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Bùi Văn Liên.***

***2/ Bà Nguyễn Thị Chinh.***

***Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.***

Ngày 28/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-DS ngày 17/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-DS ngày 07/01/2021 giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân N. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị T. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Đinh Thị Vân A. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

**- Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị Ái V. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2020, các biên bản hoà giải tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

*Nguyên đơn ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân N trình bày:*

Thông qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị Ái V, trú tại thôn T, xã E, huyện K nên ngày 19/8/2019 vợ chồng ông có cho bà Phạm Thị T và con gái là chị Đinh Thị Vân A vay số tiền 451.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự nguyện thỏa thuận là 1.5%/tháng, hạn đến ngày 23/8/2019 tức là 04 ngày sau bà T và chị Vân A sẽ trả hết số nợ 451.000.000 đồng và lãi suất cho vợ chồng ông theo thỏa thuận. Để làm tin, mẹ con

bà Thụ có giao cho vợ chồng ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 514726 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 18/3/2005, đã chỉnh lý biên động ngày 05/8/2019 mang tên bà Phạm Thị T. Sau khi nhận đủ tiền thì bà T và chị Vân A có ký vào hợp đồng vay tiền, bà Ái V cũng ký xác nhận với tư cách người làm chứng. Tuy nhiên đến hạn mẹ con bà T không trả số nợ gốc 451.000.000 đồng và lãi suất cho vợ chồng ông, vợ chồng ông cũng đã đòi nhiều lần nhưng mẹ con bà T cứ khất lần và cố tình tránh mặt không gặp.

Do đó vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà T và con gái là Đinh Thị Vân A phải trả số tiền gốc là 451.000.000 đồng và lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày vay cho đến nay.

Tại phiên tòa vợ chồng ông yêu cầu mẹ con bà T trả số tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Sau khi bà T và chị Vân A trả hết nợ thì ông, bà sẽ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Thụ đã giao cho vợ chồng ông, bà để làm tin.

*Bị đơn bà Phạm Thị Thụ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Vân A tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà T và chị Vân A đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ái V tại phiên tòa hôm nay vắng mặt. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vân trình bày:*

Bà xác nhận có quen biết với vợ chồng ông T, bà N và mẹ con bà Phạm Thị T. Do đó ngày 19/8/2019 bà có chứng kiến mẹ con bà Thụ vay của vợ chồng ông Trí số tiền 451.000.000 đồng, mục đích là để trả nợ ngân hàng, hạn đến ngày 23/8/2019 mẹ con bà T sẽ trả. Ngoài ra mẹ con bà Thụ có giao cho vợ chồng ông T 01 giấy chứng nhận QSD đất để làm tin. Đến nay mẹ con bà T đã trả số tiền vay của vợ chồng ông T chưa thì bà hoàn toàn không biết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt. Tuy nhiên bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

**[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về yêu cầu của các đương sự:**

**[3.1]** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người làm chứng, xác định:

- Về hình thức: Giữa vợ chồng ông Trương Văn T và mẹ con bà Phạm Thị T đã ký kết với nhau hợp đồng vay tiền đề ngày 19/8/2019, số tiền 451.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán nợ là ngày 23/8/2019. Như vậy hai bên đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về hình thức hợp đồng.

- Về nội dung: Chủ thể giao kết hợp đồng là ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân N (bên cho vay) và bà Phạm Thị T, chị Đinh Thị Vân A (bên vay) đều là những cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi để giao kết hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng, các bên đều hoàn toàn tự nguyện. Khi cho vay tiền giữa các bên có thỏa thuận thời gian mẹ con bà T phải thanh toán tiền cho vợ chồng ông Trí.

Đến nay đã quá hạn thanh toán và vợ chồng ông T đã nhắc nhở nhiều lần nhưng phía bà T, chị Vân A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc đã vay cho vợ chồng ông T. Như vậy, mẹ con bà T đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ đối với vợ chồng ông Trí theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó vợ chồng ông T yêu cầu khởi kiện yêu cầu mẹ con bà T phải có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc là 451.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đối với bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Vân A nhưng bà T và chị Vân A đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2020, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã ra quyết định số 12/2020/QĐ - TCGĐ, yêu cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện giám định chữ ký, chữ viết của bà Phạm Thị T và chị Đinh Thị Vân A trong “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 29/7/2019*” với mẫu chữ ký, chữ viết tại mục “Đại diện bên B” tên Phạm Thị T, Đinh Thị Vân A trong “*Hợp đồng vay tiền và tài sản cam kết của người đứng vay lập ngày 19/8/2019*”. Kết quả xác định chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị T, Đinh Thị Vân A trong “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 29/7/2019*” với mẫu chữ ký, chữ viết tại mục “Đại diện bên B” tên Phạm Thị T, Đinh Thị Vân A trong “*Hợp đồng vay tiền và tài sản cam kết của người đứng vay lập ngày 19/8/2019*” là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định bà Phạm Thị T, chị Đinh Thị Vân A có vay vợ chồng ông Trương Văn T số tiền 451.000.000 đồng.

[3.3] **Về lãi suất:** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định khi vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng nhưng không ghi vào văn bản. Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy quá trình giải quyết vụ án, bà T và chị Vân A không có mặt, do đó không xác định lãi suất do hai bên thỏa thuận là bao nhiêu, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 để tính lãi suất đối với số tiền vay từ ngày đến hạn trả cho đến ngày xét xử (ngày 28/01/2021) cho vợ chồng ông T.

Cụ thể: 451.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 05 tháng 04 ngày = 64.385.060 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi suất mà bà T và chị Vân A phải trả cho vợ chồng ông T là 451.000.000 đồng + 64.385.060 đồng = 515.385.060 đồng.

**[4]** Về chi phí trưng cầu giám định: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn có căn cứ nên bị đơn phải chịu 5.440.000 đồng tiền chi phí giám định và cần buộc bà T, chị Vân A phải hoàn trả cho ông T, bà N tiền chi phí giám định.

**[5]** Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 20.000.000đ + 4% x (515.385.060 – 400.000.000 đồng) = 24.615.402 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 119, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**[1]** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân N.

Buộc bà Phạm Thị T và chị Đinh Thị Vân A phải liên đới trả cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân N số tiền 515.385.060 đồng.

Trong đó: Tiền gốc: 451.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 64.385.060 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

Buộc ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân N phải giao trả cho bà Phạm Thị T, chị Đinh Thị Vân A 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 514726 do UBND huyện K cấp ngày 18/3/2005, đã chỉnh lý biến động ngày 05/8/2019 mang tên bà Phạm Thị T.

**[2]** Về chi phí trưng cầu giám định: Bà Phạm Thị T, chị Đinh Thị Vân A phải nộp 5.440.000 đồng chi phí trưng cầu giám định. Hoàn trả lại cho ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân N số tiền 5.440.000 đồng sau khi thu được của bà Phạm Thị T, chị Đinh Thị Vân A.

**[3]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T, chị Đinh Thị Vân A phải nộp 24.615.402 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân N số tiền 11.020.000 đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ theo biên lai số AA/2019/0009280 ngày 28/7/2020.

**[4]** Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thu Trang**